TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **174**/2024/KDTM-ST
Ngày 26/9/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

2. Ông Nguyễn Lê Trung Hiếu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Hoàng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2023/TLST-KDTM ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 749/2024/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 583/2024/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T. Trụ sở: XX đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên lạc: XX Cao Thắng, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Tiến T1 hoặc ông Trịnh Lê Hoài Đ, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 7807/2024/UQ-PGD ngày 08/8/2024). (*ông Bùi Tiến T1có mặt*).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật S. Trụ sở: XX Trần Văn Giàu, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn S1, chức vụ: Giám đốc, thường trú: XX Đường số 15, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật. (*vắng mặt*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1984, thường trú: XX Đường số 15, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (*vắng mặt*).

3.2 Ông Đặng Hoàng Đ1, sinh năm 1983, Thường trú: ấp Thanh Tân, xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Tạm trú: XX Trần Văn Giàu, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (*có đơn xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn:

Theo Ngân hàng TMCP T (Ngân hàng) thì Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật S (Công ty D) đã ký hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/20680 ngày 27/10/2020; Khế ước nhận nợ: Lần 2 số GVP20680-02 ngày 31/3/2021, số tiền cho vay là 567.736.566đ, thời hạn vay 05 tháng, lãi suất 20%/năm, điều chỉnh lần/tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

Khoản vay trên được bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng tài sản cá nhân của ông Nguyễn Văn S1 và ông Đặng Hoàng Đ1, theo các Hợp đồng bảo lãnh số GVP/20681 và GVP/20682 cùng ngày 27/10/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty D đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn, tính đến ngày 26/9/2024 là 1.010.627.929đ (gồm nợ gốc 551.450.554đ, nợ lãi quá hạn 445.351.441đ, nợ chậm trả 13.825.933đ).

Ngân hàng yêu cầu Công ty D phải trả ngay một lần số nợ trên và chịu lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tính từ ngày 27/9/2024 cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Trường hợp Công ty D không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, ông Nguyễn Văn S1 và ông Đặng Hoàng Đ1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

* Bị đơn:

Công ty D do ông Nguyễn Văn S1, chức vụ Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn S1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Ông Đặng Hoàng Đ1 xác nhận:

Ông là một trong hai thành viên góp vốn của Công ty D, tỷ lệ vốn góp là 50%, bằng tiền là 4,5 tỷ đồng. Ông Nguyễn Văn S1 là thành viên thứ hai đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ông xác nhận có ký Hợp đồng bảo lãnh số GVP/20682 ngày 27/10/2020 về việc bảo lãnh cho Công ty D vay tiền của Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/20680 ngày 27/10/2020.

Về số tiền Công ty D còn nợ tính đến ngày 11/01/2023 là 716.154.856đ (gồm nợ gốc 551.451.968đ, nợ lãi 164.702.888đ) thì ông không có ý kiến phản đối.

Hiện Công ty D không còn khả năng thanh toán, ông cũng không liên lạc được với ông Sang nên chưa có phương án trả nợ.

Ông Đ xác nhận bà Nguyễn Kim P, là người ký tên nhận các thủ tục tống đạt của Tòa án ngày 21/4/2023 tại địa chỉ XX Trần Văn Giàu, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, bà P là nhân viên kế toán của Công ty D.

Theo xác minh ngày 03/8/2023 của Công an phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, thì ông Nguyễn Văn S1 có đăng ký thường trú tại XX Đường số 15, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa:

Ông Bùi Tiến T1 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu như nêu trên.

Đại diện Công ty D và ông Nguyễn Văn S1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ông Đặng Hoàng Đ1 có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, chưa bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/20680 ngày 27/10/2020; Khế ước nhận nợ: Lần 2 số GVP20680-02 ngày 31/3/2021, số tiền cho vay là 567.736.566đ giữa Ngân hàng và Công ty D; các Hợp đồng bảo lãnh số GVP/20681 và GVP/20682 cùng ngày 27/10/2020; các bản tự khai của người đại diện Ngân hàng, bảng kê tính lãi; Bản tự khai của ông Đặng Hoàng Đ1; có đủ cơ sở kết luận:

Công ty D đã vay tiền của Ngân hàng nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán là vi phạm nghĩa vụ bên vay theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 26/9/2024 Công ty D còn nợ Ngân hàng là 1.010.627.929đ (gồm nợ gốc 551.450.554đ, nợ lãi quá hạn 445.351.441đ, nợ chậm trả 13.825.933đ). Ngoài nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên, Công ty D còn phải thanh toán các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận tính từ ngày 27/9/2024. Trường hợp Công ty D không có khả năng thanh toán nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn S1 và ông Đặng Hoàng Đ1 chịu trách nhiệm thanh toán theo nghĩa vụ bảo lãnh.

Căn cứ các điều 335, 336, 338, 339, 340, 342 Bộ luật dân sự 2015, Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Do hai bên trong quan hệ tín dụng là Ngân hàng cho vay nhằm mục đích lợi nhuận, Công ty D vay tiền nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh, nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại. Bị đơn có trụ sở tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về tố tụng: Công ty D và ông Nguyễn Văn S1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ hai lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ông Đặng Hoàng Đ1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3]. Nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm:

Căn cứ hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/20680 ngày 27/10/2020; Khế ước nhận nợ: Lần 2 số GVP20680-02 ngày 31/3/2021, số tiền cho vay là 567.736.566đ giữa Ngân hàng và Công ty D; các Hợp đồng bảo lãnh số GVP/20681 và GVP/20682 cùng ngày 27/10/2020; các bản tự khai của người đại diện Ngân hàng, bảng kê tính lãi; Bản tự khai của ông Đặng Hoàng Đ1, có đủ cơ sở xác định:

Các Hợp đồng tín dụng ký giữa Ngân hàng và Công ty D là hợp pháp, có nội dung đúng quy định pháp luật theo điểm b khoản 12 và khoản 14 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi 2017.

Công ty D đã vay tiền của Ngân hàng nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán là vi phạm nghĩa vụ bên vay theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 26/9/2024 Công ty D còn nợ Ngân hàng là 1.010.627.929đ (gồm nợ gốc 551.450.554đ, nợ lãi quá hạn 445.351.441đ, nợ chậm trả 13.825.933đ). Ngân hàng yêu cầu Công ty D thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên, là có cơ sở.

Ngoài nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên, Công ty D còn phải thanh toán các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tính từ ngày 27/9/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ, là đúng theo hợp đồng.

Trường hợp Công ty D không có khả năng thanh toán nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn S1 và ông Đặng Hoàng Đ1 chịu trách nhiệm thanh toán theo nghĩa vụ bảo lãnh, là đúng theo hợp đồng bảo lãnh.

Các yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ theo quy định tại khoản 16 Điều 4, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi 2017, các điều 335, 336, 338, 339, 340, 342 Bộ luật dân sự 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân:* Về việc thụ lý và giải quyết vụ án của Tòa án đã tuân thủ các thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Công ty D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền nợ phải thanh toán cho Ngân hàng là 1.010.627.929 đồng, án phí là 42.318.838 đồng; Ngân hàng không phải chịu án phí, được hoàn lại tiền án phí tạm nộp là 16.323.097 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 173; Điều 174; Điều 179; Điều 227; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 12 và khoản 14, khoản 16 Điều 4; Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi 2017;

Căn cứ các điều 335, 336, 338, 339, 340, 342 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T:

Buộc Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật S trả cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền tính đến ngày 26/9/2024 là 1.010.627.929 (một tỷ không trăm mười triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi chín) đồng (gồm nợ gốc 551.450.554đ, nợ lãi quá hạn 445.351.441đ, nợ chậm trả 13.825.933đ).

Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật S còn phải thanh toán các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay hạn mức số GVP/20680 ngày 27/10/2020; Khế ước nhận nợ: Lần 2 số GVP20680-02 ngày 31/3/2021, tính từ ngày 27/9/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật S không có khả năng thanh toán nợ, Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn S1 và ông Đặng Hoàng Đ1 chịu trách nhiệm thanh toán theo nghĩa vụ bảo lãnh.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật S phải chịu án phí 42.318.838 (bốn mươi hai triệu ba trăm mười tám nghìn tám trăm tám mươi ba) đồng.

Ngân hàng TMCP T được hoàn trả tiền án phí tạm nộp là 16.323.097 (mười sáu triệu ba trăm hai mươi ba nghìn không trăm chín mươi bảy đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0010691 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hàn án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND Q. Bình Tân;
- Chi cục THADS Q. Bình Tân;
- Người tham gia tố tụng;
- LưuVP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Phong